

THÔNG TƯ

Quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Vụ trưởng Vụ Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (sau đây gọi là định mức kinh tế - kỹ thuật) là mức hao phí cần thiết về lao động, vật tư, máy móc thiết bị để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công trong một điều kiện cụ thể (hoặc một khối lượng công việc nhất định) đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Quy trình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý là trình tự, cách thức thực hiện một sản phẩm, dịch vụ công.

Điều 4. Mục tiêu xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Làm căn cứ xác định giá sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Làm căn cứ để xây dựng và thực hiện kế hoạch, quản lý kinh tế, tài chính và quản lý chất lượng trong hoạt động sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

3. Thúc đẩy xã hội hóa các loại hình sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác trong ngành nông nghiệp, tạo môi trường hợp tác công bình đẳng giữa các tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Nguyên tắc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Đảm bảo tính đúng, tính đủ, tính phù hợp và hiệu quả để hoàn thành việc thực hiện một sản phẩm, dịch vụ công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định hiện hành.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở, quy trình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công và quy định của pháp luật về chế độ làm việc của người lao động, các định mức, chi phí áp dụng cho các hoạt động chi tiết quy định tại quy trình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng theo từng sản phẩm, dịch vụ riêng hoặc nhóm các sản phẩm, dịch vụ tương đồng về nội dung quy trình thực hiện, giống nhau về tính chất, phương tiện và trình tự thực hiện các hạng mục công việc của sản phẩm, dịch vụ công.

4. Đáp ứng yêu cầu chung về kết cấu của các loại định mức kinh tế - kỹ thuật, đảm bảo tính trung bình tiên tiến, ổn định và thống nhất.

Điều 6. Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình kỹ thuật, quy trình công nghệ, thông số kỹ thuật, yêu cầu cơ bản, năng lực thực hiện, trình độ tổ chức, hạ tầng công nghệ.

2. Quy định pháp luật hiện hành về chế độ làm việc của người lao động.

3. Điều kiện thực tế hoạt động của các đơn vị về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn lực tài chính, đất đai.

4. Số liệu thống kê hằng năm và các tài liệu có liên quan.

5. Tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật, quy trình xác định định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành và quy định đã ban hành để xác định mức tiêu hao đối với từng công việc hoặc nhóm công việc.

Điều 7. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Đơn vị chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật lựa chọn một hoặc các phương pháp dưới đây:

1. Phương pháp thống kê, tổng hợp

Căn cứ số liệu thống kê hằng năm hoặc trong các kỳ báo cáo (số liệu thống kê phải đảm bảo độ tin cậy, tính pháp lý trong thời gian ba năm liên tục trước thời điểm xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật) và dựa vào kinh nghiệm thực tế hoặc các thông số so sánh để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

2. Phương pháp so sánh

Căn cứ vào các định mức của công việc, sản phẩm tương đương đã thực hiện trong thực tế để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Phương pháp tiêu chuẩn

Căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy định của nhà nước về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi, mức tiêu hao trực tiếp, thiết bị để xây dựng định mức lao động, định mức máy móc, thiết bị cho từng công việc hoặc nhóm công việc.

4. Phương pháp phân tích thực nghiệm

Căn cứ kết quả triển khai khảo sát, thực nghiệm theo từng quy trình, nội dung công việc để phân tích, tính toán từng yếu tố cấu thành định mức (lựa chọn những công việc không xác định được qua ba phương pháp trên hoặc xác định được nhưng chưa chính xác mà cần phải kiểm nghiệm thực tế).

Điều 8. Thành phần định mức kinh tế - kỹ thuật

Thành phần định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

1. Định mức lao động

Định mức lao động = Định mức lao động trực tiếp + Định mức lao động gián tiếp, trong đó:

a) Định mức lao động trực tiếp là hao phí lao động (quy đổi ra ngày công) hoàn thành một đơn vị sản phẩm, dịch vụ công;

b) Định mức lao động gián tiếp là định mức lao động quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ.

2. Định mức vật tư

Nội dung định mức vật tư xây dựng gồm:

a) Xác định danh mục, chủng loại vật tư, vật liệu cần thiết để hoàn thành theo từng nội dung công việc tạo ra một đơn vị sản phẩm, dịch vụ công;

b) Xác định số lượng/khối lượng theo từng loại vật tư, căn cứ vào chủng loại thiết bị, thời gian máy chạy có tải (tiêu hao vật tư);

c) Xác định tỷ lệ (%) thu hồi vật tư, căn cứ vào đặc điểm, tính chất của vật tư để tính tỷ lệ (%) thu hồi;

d) Xác định yêu cầu kỹ thuật cơ bản của vật tư, mô tả thông số kỹ thuật của từng loại vật tư phù hợp để thực hiện một sản phẩm, dịch vụ công.

3. Định mức máy móc, thiết bị

Định mức máy móc, thiết bị là thời gian cần thiết đối với từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành việc thực hiện một sản phẩm, dịch vụ công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành, trong đó:

a) Xác định danh mục, chủng loại máy móc, thiết bị;

b) Xác định thông số kỹ thuật cơ bản của máy móc, thiết bị;

c) Xác định thời gian sử dụng từng chủng loại máy móc, thiết bị: thời gian máy chạy có tải (tiêu hao vật tư, điện năng, nhiên liệu trong thời gian sử dụng); thời gian máy chạy không tải (không tiêu hao vật tư).

4. Định mức khác (nếu có).

Chương II QUY TRÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Điều 9. Trình tự xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Thủ trưởng đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng sản phẩm, dịch vụ công, gồm các bước sau:

1. Thành lập Tổ soạn thảo (nếu cần thiết).

2. Xây dựng dự thảo Trình tự; dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật (theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); tổ chức cuộc họp, thảo luận, khảo sát (trong trường hợp cần thiết) để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Lấy ý kiến Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật; tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý.

4. Thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại Điều 10 Thông tư này; tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định.

5. Xin ý kiến Thủ trưởng phụ trách.

6. Chính lý, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này để trình Bộ trưởng xem xét, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.

Điều 10. Thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Thủ trưởng đơn vị chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thành lập Hội đồng thẩm định gồm 07 đến 09 thành viên: 01 Chủ tịch Hội đồng (đại diện Lãnh đạo đơn vị chủ trì), 01 Phó chủ tịch (nếu cần thiết), ủy viên Hội đồng (đại diện Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính và các đơn vị có liên quan).

2. Hồ sơ trình Hội đồng thẩm định gửi cho các thành viên Hội đồng tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng, gồm: dự thảo Tờ trình; dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật; bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân có liên quan; các tài liệu khác (nếu có).

3. Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ tư vấn cho Thủ trưởng đơn vị chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật để hoàn thiện dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trước khi trình Bộ trưởng xem xét, ban hành.

4. Họp Hội đồng thẩm định:

a) Cuộc họp của Hội đồng thẩm định được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba số lượng thành viên Hội đồng. Các thành viên Hội đồng thảo luận, đánh giá chất lượng của dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật bằng phương pháp bỏ phiếu kín theo các mức sau:

Mức 1: Đạt yêu cầu đề nghị ban hành;

Mức 2: Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa trước khi đề nghị ban hành;

Mức 3: Không đạt yêu cầu phải xây dựng lại.

b) Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổng hợp các ý kiến của các thành viên Hội đồng và kết luận về chất lượng của dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trên cơ sở đồng thuận của đa số thành viên Hội đồng (theo một trong ba mức quy định trên).

Điều 11. Trình ký ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Đơn vị chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng xem xét, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, bao gồm:

a) Tờ trình;

b) Dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật;

c) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân có liên quan;

d) Biên bản họp thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

đ) Ý kiến của Thủ trưởng phụ trách;

e) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc trình ký ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật

a) Thủ trưởng đơn vị chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trình hồ sơ dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 1 Điều này; ký nháy vào cuối trang có chữ ký của Bộ trưởng, các trang của Phụ lục (nếu có); chịu trách nhiệm về nội dung, tính khả thi của văn bản;

b) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính đồng trình Bộ trưởng đối với dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật; chịu trách nhiệm về nội dung có liên quan trong văn bản thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

3. Bộ trưởng xem xét, ký ban hành hoặc phân công Thứ trưởng phụ trách ký Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị được giao chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật có trách nhiệm:

a) Hằng năm, rà soát và xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí danh mục định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc chuyên ngành của đơn vị gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật; trình ban hành theo quy định tại Thông tư này.

2. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch, đảm bảo kinh phí để các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý theo đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Thông tư này tham khảo xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền.

Điều 13. Kinh phí thực hiện

Kinh phí xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật được bố trí trong kinh phí hành chính được giao hằng năm (đối với các cơ quan hành chính); nguồn sự nghiệp kinh tế (đối với đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) và tự cân đối trong nguồn thu của đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những định mức kinh tế - kỹ thuật đã được ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục được áp dụng.

Điều 15. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2021.
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ NNPTNT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, PC, TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Hiệp

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2021/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: /QĐ-BNN...

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật
tên dịch vụ/các dịch vụ trong hoạt động**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Thông tư số...../2021/TT-BNNPTNT ngày ... tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật (tên dịch vụ/các dịch vụ trong hoạt động

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng Cục trưởng/Cục trưởng, Vụ trưởng..., Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-

- Công thông tin điện tử..;

- Lưu: VT,

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

QUY ĐỊNH
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Tên sản phẩm, dịch vụ ban hành định mức trong hoạt động.....
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN.... ngày ... tháng ... năm ...
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh
2. Đối tượng áp dụng
3. Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật
4. Quy định chữ viết tắt
5. Quy trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ (Tên sản phẩm, dịch vụ ban hành định mức)
6. Trong quá trình áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có các quy định mới phát sinh đề nghị phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

PHẦN II: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Mã sản phẩm, dịch vụ:

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

| STT | Định mức lao động | Định mức (công) | Ghi chú |
|----------|---|-----------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| I | Định mức lao động trực tiếp | | |
| 1 | <i>Định mức công của lao động có chuyên môn</i> | | |
| | Trình độ.... | | |
| | | | |
| 2 | <i>Định mức công của lao động phổ thông</i> | | |
| | Bậc... | | |
| | ... | | |

| | | | |
|-----------|---|-------|--|
| II | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) | | |
| | Trình độ.... | | |
| | ... | | |

II. ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

| STT | Tên thiết bị | Thông số kỹ thuật cơ bản | Định mức máy móc, thiết bị (giờ) |
|-----|----------------------------|--------------------------|----------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| 1 | Định mức máy móc, thiết bị | | |
| 1.1 | Thiết bị 1 | | |
| 1.2 | Thiết bị 2 | | |
| | ... | | |

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

| STT | Tên vật tư | Đơn vị tính | Yêu cầu kỹ thuật | Định mức vật tư | | |
|-----|------------|-------------|------------------|-----------------|-------------------|----------|
| | | | | Sử dụng | Tỷ lệ (%) thu hồi | Tiêu hao |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Vật tư 1 | | | | | |
| 2 | Vật tư 2 | | | | | |
| | ... | | | | | |